TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 302/2022/HC-PT
Ngày 27/7/2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 519/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6034/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hồ Hữu L, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn Hồng Ph (thôn 4 cũ), xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; *người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Đức Tr, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt; *người được ủy quyền*: Ông Lê Hồng V, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An; *người đại diện theo pháp luật*: Ông Hoàng Văn B, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt; *người được ủy quyền*: Ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An; *người đại diện theo pháp luật*: Ông Lê Sỹ Th, chức vụ: Chủ tịch; có mặt.

3.2. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Hồng Ph (thôn 4 cũ), xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An; vắng mặt; *người được ủy quyền*: Ông Trần Đình H1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Hồng Ph, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện ông Hồ Hữu L trình bày: Theo giấy thông báo của UBND xã Quỳnh H, ông Hồ Hữu L đã nộp đủ tiền mua đất ở nông thôn (không phải đất vườn) theo quyết định giá đất ở được quy định cụ thể: Giá đất ở ven đường Quốc lộ 1A khu vực đồng Cồn Dưa, xóm 3, xã Quỳnh H có giá đất ở là 70.000 đồng/m^2. Tổng số tiền đã nộp là 18.483.000 đồng tương đương với 270m^2 đất ở, không có quy định riêng giá đất vườn (có bản sao phiếu thu tiền đất ở đính kèm). Căn cứ theo Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 03/10/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt giá đất ở khu dân cư nông thôn cho 18 xã thuộc huyện Quỳnh L1 trong đó: khu vực Cồn Dưa giá đất là 70.000 đồng/m^2). Biên bản giao đất ngày 22/9/1995, gia đình ông Hồ Hữu L được Hội đồng bàn giao đất ở xã Quỳnh H trực tiếp giao, nhận 270m^2 đất ở, gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay và không có tranh chấp về đất đai tại địa chỉ: ven đường Quốc lộ 1A khu vực đồng Cồn Dưa (xóm 3 cũ), nay là thôn Hồng Ph, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 05/02/1996, gia đình ông được UBND huyện Quỳnh L1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 755-1, diện tích 150m^2 đất ở ổn định và 120m^2 đất vườn ổn định. Thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A, nhà nước đã tiến hành thu hồi của gia đình ông Hồ Hữu L tổng diện tích 35,7m^2 đất vườn liền kề đất ở có giá trị tương đương đất ở, thuộc thửa đất số 755-1, nhưng chỉ bồi thường cho gia đình ông L với mức bồi thường hỗ trợ áp dụng cho đất nông nghiệp liền kề đất ở. Điều này là hoàn toàn không hợp lý vì ông mua 270m^2 đất ở với giá 70.000 đồng/m^2 (không có giá riêng cho đất vườn), việc áp dụng giá đất bồi thường cho gia đình ông L như vậy là trái với Luật Đất đai 2013, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông, vì: Theo quy định của Luật Đất đai: Đất ở tại nông thôn được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai 2003; khoản 1 Điều 143 Luật Đất đai 2013, cụ thể: "Đất ở của hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng một thửa đất thuộc khu dân cư nông thôn, phù hợp với quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt". Hiện nay, Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành không có định nghĩa cụ thể về "đất vườn", "đất nông nghiệp liền kề", cũng không có các quy định cụ thể đối với đất vườn. Tuy nhiên, tại Điều 10 Luật Đất đai quy định: *"1. Nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây: a) Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng*

cây hàng năm khác; b) Đất trồng cây lâu năm; c) Đất rừng sản xuất; d) Đất rừng phòng hộ; đ) Đất rừng đặc dụng; e) Đất nuôi trồng thủy sản; g) Đất làm muối; h) Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh". Như vậy, không có quy định đất vườn nằm trong đất nông nghiệp. Về thời hạn sử dụng đất, theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai: Đối với đất nông nghiệp thì thời hạn sử dụng đất là 50 năm, trong khi đó thời hạn sử dụng đất vườn là ổn định, lâu dài. Ngay trong GCNQSDĐ cũng không ghi rõ thời hạn sử dụng đất. Về mục đích sử dụng: khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai quy định rõ mục đích sử dụng của các loại đất nông nghiệp, cụ thể: Đất trông cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm, đất rừng phòng hộ…và khi sử dụng sai mục đích thì sẽ phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Trong khi đó đất vườn không có quy định cụ thể bắt buộc phải sử dụng vào mục đích nào. Do đó, việc áp dụng quy định về bồi thường đất nông nghiệp liền kề đất ở khi thu hồi đất được sử dụng ổn định lâu dài là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Về tài sản trên đất: Khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2014, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 1A huyện Quỳnh L1 đã trực tiếp cùng gia đình ông Hồ Hữu L tiến hành lập biên bản (02 lần) hiện trạng tài sản trên đất, được hai bên ký vào biên bản. Cụ thể tài sản của gia đình bị ảnh hưởng đất và tài sản trên đất đã thu hồi gồm có: Móng đá 30m^3, sân bê tông 30m^2, 01 cây xoài đướng kính 40cm thì toàn bộ số tài sản này gia đình ông chưa được bồi thường. Khi Ban tiếp dân huyện Quỳnh L1 tổ chức đối thoại, ông đã yêu cầu nếu không đền bù tài sản phải trả lại các biên bản đã lập trước đây về hiện trạng tài sản trên đất nhưng không được trả lời thích đáng, trong khi đó cùng ở khu vực ven đường Quốc lộ 1A xã Quỳnh H huyện Quỳnh L1, một số hộ gia đình đã được nhận tiền đền bù tài sản trên đất, như vậy là không công bằng với gia đình ông.Vì đất gia đình ông L mua theo tiêu chuẩn hai dâu, gia đình ông đã nộp hơn 18 triệu đồng và được thông báo là đất ở, gia đình ông cũng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và ở ổn định từ trước đến nay. Như vậy, căn cứ Luật Đất đai 2003 và 2013, thì đó là đất ở. Thời điểm UBND huyện Quỳnh L1 cấp GCNQSDĐ thì lại chỉ cấp cho gia đình ông L có 150m^2 đất ở và 120m^2 đất vườn. Tuy nhiên, UBND tỉnh Nghệ An và UBND huyện Quỳnh L1 cho rằng đây là đất nông nghiệp liền kề đất ở là không đúng. Vì vậy, việc bồi thường cho gia đình ông L theo giá đất nông nghiệp là không đúng, phải bồi thường cho gia đình ông theo giá đất ở vì khi mua giá đất ở. Việc cấp GCNQSDĐ không đúng: Năm 1996, sau khi được nhận GCNQSDĐ, trong giấy chứng nhận ghi 150m^2 đất ở và 120m^2 đất vườn, tuy nhiên khi mua thì mua 270m^2 là đất ở, nếu tính theo hạn mức gia đình được 200m^2 đất ở tại nông thôn,

nhưng gia đình chỉ được cấp 150m^2 đất ở là không đúng, nhưng gia đình không khiếu nại về diện tích cấp trong giấy chứng nhận, mà chỉ đề nghị bồi thường 35,8m^2 đất ở. Việc thu hồi đất và tài sản trên đất thu hồi chưa đảm bảo: Trước khi giải phóng có Hội đồng đến lập biên bản tài sản trên đất, đã yêu cầu gửi cho gia đình một bản, nhưng Hội đồng giải phóng mặt bằng không cung cấp và cho rằng không có là không đúng. Tài sản là: Móng đá xây 02 bờ tường giữ đất là 30m^3, sân bê tông 39m^2, 01 cây xoài đường kính 40cm; phần san lấp mặt bằng 105m^2, phần diện tích ốt bị ảnh hưởng 18m^2, gồm mái tôn sóng, kèo tôn sắt, tường xây, cửa cuốn tôn Việt Úc 13,5m^2 đề nghị phải bồi thường theo đúng quy định. Ông Hồ Hữu L đề nghị: Hủy Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Hữu L, trú tại thôn 4, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An (lần 2); hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Hữu L, trú tại thôn 4, xã Quỳnh H (lần đầu). Buộc UBND huyện Quỳnh L1 lập phương án bồi thường 35,8m^2 đất đã thu hồi của gia đình ông theo giá đất ở và bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất của gia đình ông theo giá trị thị trường khi bị thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A cho gia đình ông theo Luật đất đai năm 2013.

2. Quan điểm của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1: Ông Hồ Hữu L đề nghị hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 là không có căn cứ, việc giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị xem xét giải quyết.

3. Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An: Ông Hồ Hữu L khiếu nại khi Nhà nước thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn qua xã Quỳnh H), UBND huyện Quỳnh L1 không bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất 35,7m^2 của gia đình ông L bị thu hồi với mục đích đất ở là khiếu nại sai, vì: Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013, những trường hợp đã được cấp GCNQSDĐ (như trường hợp của hộ gia đình ông Hồ Hữu L) việc bồi thường, hỗ trợ được căn cứ vào diện tích các loại đất được công nhận tại GCNQSDĐ. Theo quy định tại điểm 1 tiết b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Nghệ An (có hiệu lực thời điểm phê duyệt Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng ngày 02/01/2014); điểm 1 tiết a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An (đang có hiệu lực), nếu diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi lớn hơn hoặc bằng hạn mức công nhận quyền sử dụng đất, do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất, thì diện tích đất bị thu hồi được xác định là đất nông nghiệp (đất vườn, ao trong thửa đất ở). Thửa đất ông Hồ Hữu L khiếu nại, được UBND huyện Quỳnh L1 cấp GCNQSDĐ ngày 05/02/1996 với diện

tích 270m^2 (150m^2 đất ở 120m^2 đất vườn). Diện tích còn lại của thửa đất sau khi thực hiện dự án là 251,3m^2, lớn hơn hạn mức công nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Nghệ An quy định (đối với hộ gia đình có 4 nhân khẩu như gia đình ông L thì diện tích đất ở được quy định là 200m^2), lớn hơn diện tích đất ở được cấp tại GCNQSDĐ của ông Hồ Hữu L (150m^2). Vì vậy, việc UBND huyện Quỳnh L1 thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 35,7m^2 đất sử dụng đất nông nghiệp liền kề đất ở cho gia đình ông Hồ Hữu L là đúng quy định. Đối với nội dung ông Hồ Hữu L khiếu nại, yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất bị thu hồi: Trong quá trình xác minh khiếu nại, đối thoại, ông Hồ Hữu L, UBND huyện Quỳnh L1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan không cung cấp được Biên bản kiểm kê hiện trạng, về bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất để thực hiện Dự án, hoặc các tài liệu pháp lý chứng minh đầy đủ thông tin đối với các tài sản bị thiệt hại, nên không có cơ sở xem xét. Từ những phân tích nêu trên người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của ông Hồ Hữu L, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông L và giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 22/2021/HCST ngày 17/8/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 3 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 75, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; điểm 1 tiết b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Nghệ An (có hiệu lực thời điểm phê duyệt Trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng ngày 02/01/2014), điểm 1 tiết a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc UBND huyện Quỳnh L1 bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất của gia đình ông Hồ Hữu L theo giá thị trường khi bị thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu L về yêu cầu hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Hữu L, trú tại thôn 4, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An (lần đầu) và Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Hữu L, trú tại thôn 4, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An (lần 2).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy đinh của pháp luật.

Ngày 26/8/2022, ông Hồ Hữu L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hồ Hữu L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận đơn khởi kiện hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại (lần hai); ông Trần Đình H1 thống nhất quan điểm đề nghị của ông L.

Người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện UBND xã Quỳnh H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Hồ Hữu L và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HCST ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Ngày 03/3/2020, ông Hồ Hữu L khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Hủy Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết khiếu nại (lần 2); Buộc UBND huyện Quỳnh L1 lập phương án bồi thường 35,7m^2 đất đã thu hồi theo giá đất ở, bồi thường giá trị tài sản trên đất theo giá trị thị trường bị thu hồi đất, khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A cho gia đình ông L theo Luật Đất đai năm 2013. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai, các quyết định này liên quan đến việc áp giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất theo quy định Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

[3.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của 26 hộ dân, trong đó có hộ gia đình ông Hồ Hữu L, Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 ban hành Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 28/11/2018, về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập đoàn xác minh khiếu nại, làm việc và tiến hành đối thoại. Ngày 26/04/2019, Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 đã ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Không đồng ý quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Hồ Hữu L đã có đơn khiếu nại. Ngày 19/6/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành, thực hiện việc xác minh nội dung khiếu nại. Tổ công tác liên ngành làm việc kiểm tra, rà soát xác minh nội dung khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo của Tổ công tác liên ngành về kết quả kiểm tra xác minh khiếu nại. Ngày 19/12/2019, tiến hành đối thoại. Ngày 12/02/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 368/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Xét thấy, việc giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với ông Hồ Hữu L đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 21; Mục 2 từ Điều 27 đến Điều 32; Mục 3, từ Điều 36 đến Điều 41 Luật Khiếu nại; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2]. Về căn cứ ban hành các quyết định:

[3.2.1]. Căn cứ ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND: Ngày 22/12/2010, UBND huyện Quỳnh L1 ban hành Thông báo số 211/TB-UBND, về việc thống nhất phương án trích đo các thửa đất bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua huyện Quỳnh L1. Theo đó đối với trường hợp trong khu dân cư không có rãnh thoát nước và không có ranh giới chân đường đắp hoặc đỉnh đường đào, thì cách mép nhựa 1,5m; Tại Thông báo số 147/TB.UBND-GT ngày 03/4/2014 của UBND tỉnh Nghệ An, thì đối với phần diện tích đất mà trước đây đã được giải tỏa qua các thời kỳ (bao gồm dự án PMU1 năm 1995 trước đây) không thực hiện bồi thường hỗ trợ về đất. Trong quá trình vận động nhân dân đồng thuận giao mặt bằng cho đơn vị thi công, một số hộ yêu cầu lập Biên bản kiểm kê hiện trạng thì UBND huyện lập, các hộ không yêu cầu thì UBND huyện không lập. Đối với thửa đất của hộ ông L khi thực hiện giải phóng mặt bằng, UBND huyện Quỳnh L1 không lập biên bản kiểm kê hiện trạng. Hiện trạng thửa đất ông L đã xây dựng nhà ở trên phần đất được giao, phần diện tích yêu cầu bồi thường đã giải phóng mặt bằng, hiện trạng là mặt đường và mương thoát nước. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, diện tích đất ông Hồ Hữu L sử dụng được UBND xã giao đất năm 1995, có thu tiền sử dụng đất, diện tích 270m^2, trong đó 150m^2 đất ở nằm ngoài phạm vi 27m, 120m^2 đất vườn nằm trong phạm vi 27m tính từ tim đường Quốc lộ 1A, bề rộng bám mặt đường Quốc lộ 1A là 6m, dài 45m và đã nộp 18.483.050 đồng tại các Phiếu thu lập ngày 28/11/1993, ngày 12/7/1994 và Phiếu thu số 11 ngày 05/5/2995. Hiện tại hồ sơ lưu tại UBND xã Quỳnh H có Biên bản giao đất

ngày 22/9/1995 và hồ sơ giao đất nhưng không có quyết định giao đất. UBND xã Quỳnh H, Hội đồng tư vấn đất đai xã Quỳnh H xác định ranh giới thửa đất khi giao đất cách tim đường Quốc lộ 1A cũ là 7m. Ngày 05/02/1996, gia đình ông Hồ Hữu L được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp GCNQSDĐ, thửa đất số 755-1, tờ bản đồ số 1, diện tích 150m^2 đất ở và 120m^2 đất vườn; vào số cấp số x4-176/QSD Đ/30/QĐUB; diện tích đất giao theo bản đồ 299 năm 1984 (BL15). Gia đình ông L xây nhà ở ổn định từ năm 1995 đến nay. Khi cấp GCNQSDĐ, cũng như khi giao đất cho ông Hồ Hữu L sử dụng có một phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông (trong phạm vi 27m cách tim đường). Theo Bản đồ trích đo giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, vẽ bổ sung bản đồ địa chính, hiện trạng sử dụng đất (phục vụ GPMB) phê duyệt ngày 02/01/2014, thửa đất ông L sử dụng là số thửa 122, tờ bản đồ số 2, diện tích 289,6m^2 tăng 19,6m^2 so với diện tích được cấp; trong đó diện tích nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng là 38,3m^2, có 35,7m^2 đất nông nghiệp liền kề đất ở nằm trong phạm vi giao đất. Còn 2,6m^2 bị ảnh hưởng dự án không thuộc diện tích đất được giao sử dụng có thu tiền (theo bản đồ 299, bản đồ lập năm 1995, ngoài mốc giới giao đất theo biên bản giao đất; đất lấn chiếm) không được bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Phần đất bị ảnh hưởng nằm trong phạm vi giao đất được gia đình ông L sử dụng liên tục, không có tranh chấp đến khi thực hiện dự án. Khi thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A giai đoạn từ 2012 đến năm 2014 gia đình ông L chưa được bồi thường. Diện tích còn lại sau khi thực hiện dự án nhỏ hơn diện tích được giao là 18,7m^2. Số lượng nhân khẩu của hộ ông L tại thời điểm giải phóng mặt bằng là 04 khẩu, đến thời điểm 2020 là 03 khẩu. Thực tế trên diện tích 35,7m^2 đất thu hồi của ông L trên đất không có nhà ở. Căn cứ biên bản giao đất cho ông Hồ Hữu L sử dụng ghi ngày 22/9/1995, UBND xã Quỳnh H giao cho ông L diện tích 270m^2, trong đó 150m^2 đất ở và 120m^2 đất vườn; 03 hóa đơn nộp tiền đất tổng số tiền 18.483.050 đồng, trong đó 01 hóa đơn có ghi lý do nộp tiền đất đường 1A, còn 02 hóa đơn ghi nộp tiền đất ở đường 1A. Thông báo của UBND xã Quỳnh H về kế hoạch cấp đất ở, không có chứng cứ nào thể hiện có ghi 270m^2 đất hộ gia đình ông Hồ Hữu L được giao sử dụng đều là diện tích đất ở. Theo Quyết định số 3578-QĐ/UB ngày 03/10/1998 của UBND tỉnh Nghệ An số tiền ông L phải nộp khi mua đất là 270m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 18.900.000 đồng. Tuy nhiên giá đất thu của gia đình ông L thực tế là 18.483.050 đồng, không phù hợp với giá đất theo Quyết định số 3578-QĐ/UB của UBND tỉnh Nghệ An. Như vậy, nội dung các chứng cứ ông L cung cấp nêu trên không có căn cứ để kết luận năm 1995 ông L mua và được giao sử dụng 270m^2 đất ven đường Quốc lộ 1A khu vực đồng Cồn Dưa, xóm 3, xã Quỳnh H đều là đất ở như ông L trình bày. GCNQSDĐ do UBND huyện Quỳnh L1 cấp cho ông L phù hợp với biên bản giao đất, phù hợp hồ sơ quản lý đất và thực tế sử dụng đất của hộ gia đình ông Hồ Hữu L. Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày

06/01/2017 của Chính phủ; Văn bản số 1297/BTNMT-TCQLĐ ngày 21/3/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm 1 tiết b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Nghệ An (có hiệu lực thời điểm phê duyệt trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng ngày 02/01/2014), điểm 1 tiết a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nếu diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi lớn hơn hoặc bằng hạn mức công nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất, thì diện tích đất bị thu hồi được xác định là đất nông nghiệp (đất vườn, ao trong thửa đất ở) và theo quy định pháp luật thu hồi đất nào thì bồi thường loại đất đó. Thửa đất của ông L được UBND huyện Quỳnh L1 cấp GCNQSDĐ năm 1996, với diện tích 270m^2 (150m^2 đất ở + 120m^2 đất vườn), diện tích còn lại của thửa đất sau khi thực hiện dự án là 251,3m^2, lớn hơn hạn mức công nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Nghệ An công nhận, đối với hộ gia đình có 4 nhân khẩu như gia đình ông L thì diện tích đất ở quy định là 200m^2, lớn hơn diện tích đất ở được cấp GCNQSDĐ của ông L (150m^2 đất ở). Khi thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A, nhà nước đã tiến hành thu hồi của gia đình ông Hồ Hữu L tổng diện tích 35,7m^2 đất vườn liền kề đất ở, thuộc thửa đất số 755-1, bồi thường cho gia đình ông L với mức bồi thường hỗ trợ áp dụng cho đất nông nghiệp liền kề đất ở là có căn cứ, nên không có căn cứ để chấp nhận đền bù, hỗ trợ cho gia đình ông Hồ Hữu L diện tích 35,7m^2 theo giá đất ở. Do vậy, Quyết định số 936/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Hữu L, trú tại thôn 4, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An (lần đầu). Tại Điều 1 của Quyết định 936/QĐ-UBND có nội dung: "…Thực hiện đền bù, hỗ trợ cho gia đình ông Hồ Hữu L diện tích 35,7m^2 đất nông nghiệp liền kề đất ở… do ảnh hưởng bởi Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua xã Quỳnh H" là phù hợp quy định của pháp luật.

[3.2.2]. Căn cứ ban hành Quyết định số 368/QĐ-UBND: Việc Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND là đúng pháp luật như nhận định trên, nên Quyết định số 368/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An có nội dung: "Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quỳnh L1 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Hồ Hữu L, trú tại thôn 4, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh L1, tỉnh Nghệ An" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2.3]. Đối với tài sản trên đất do ảnh hưởng khi thực hiện dự án, quá trình giải quyết khiếu nại gia đình ông L chưa cung cấp tài liệu làm căn cứ chứng minh các tài sản bị thiệt hại, nên Quyết định số 368/QĐ-UBND không có cơ sở xem xét là có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị L2 đều xin rút nội dung yêu cầu bồi thường tài sản trên đất do ảnh hưởng khi thực hiện dự án. Xét thấy, ông L (người khởi kiện) và bà L2 rút yêu

cầu là hoàn toàn tự nguyện, nên cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính là đúng pháp luật.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bác đơn khởi kiện của ông Hồ Hữu L là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông L không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông Hồ Hữu L kháng cáo không được chấp nhận, do ông L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Hữu L.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HCST ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

3. Về án phí: Ông Hồ Hữu L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự;(theo địa chỉ)*
- *Lưu Hồ sơ; HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đình Lực